

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP AN QUỐC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP AN QUỐC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400844072

**3. Ngày thành lập:** 31/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Phúc Long, Xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0983202888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663        |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Buôn bán kinh doanh các tấm gỗ pallet kê hàng hoá     | 4669        |
| 3.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 4.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721        |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722        |
| 6.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                 | 4752        |
| 8.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030        |
| 9.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 1079        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330        |
| 12. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390        |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620        |
| 14. | Bán buôn gạo                                                                                                         | 4631        |
| 15. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                      | 1010        |
| 16. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                              | 1020        |
| 17. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                | 4321        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                      | 4322        |
| 20. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632(Chính) |

Thời gian đăng từ ngày 31/07/2018 đến ngày 30/08/2018

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633 |
| 22. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                            | 4661 |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662 |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận chuyển người bằng xe điện trong các khu công nghiệp                | 4931 |
| 27. | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                 | 0119 |
| 28. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653 |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659 |
| 31. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 32. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719 |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 36. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                           | 5621 |
| 37. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 38. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 39. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710 |
| 40. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                               | 7729 |
| 41. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                     | 7730 |
| 42. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh<br>Chi tiết: Kinh doanh cây cảnh, cây công trình, cây giống nông lâm nghiệp các loại.                                    | 0118 |
| 43. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                        | 0121 |
| 44. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                  | 0129 |
| 45. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                  | 0130 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                            | 0161 |
| 47. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                           | 0164 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TĂNG THỊ HOA   | Thôn Yên Thịnh, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 121538115                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG VĂN THAO | Thôn Yên Thịnh, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 121458952                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG VĂN THÁI | Thôn Yên Thịnh, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 121585956                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TĂNG THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121538115

Ngày cấp: 14/03/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Yên Thịnh, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Yên Thịnh, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang